

Số: /BC-UBND

Nam Thanh Miện, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 theo Báo cáo số 77-BC/VPTW ngày 13/4/2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG BÁO CÁO

- Căn cứ Báo cáo số 77-BC/VPTW ngày 13/4/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số vấn đề trọng tâm trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW
- Căn cứ Công văn chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng về triển khai nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06
- Căn cứ tình hình thực tế triển khai tại UBND xã Nam Thanh Miện

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- UBND xã đã:
 - Ban hành đầy đủ, kịp thời các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Đề án 06, bảo đảm bám sát chỉ đạo của Trung ương và thành phố.
 - Tổ chức quán triệt, phổ biến nhiệm vụ đến toàn thể cán bộ, công chức, các đơn vị, thôn trên địa bàn, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động.
 - Phân công rõ trách nhiệm từng phòng, đơn vị; xác định đầu mối chủ trì, đơn vị phối hợp, lộ trình và thời gian hoàn thành cụ thể.
 - Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện; đưa tiêu chí triển khai KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.
 - Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.
 - Chủ động bố trí nguồn lực (nhân lực, kinh phí, hạ tầng kỹ thuật) phục vụ triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu.
 - Thực hiện nghiêm kỷ cương hành chính, đảm bảo:

- Tiến độ công việc theo kế hoạch đề ra; các nhiệm vụ được theo dõi, cập nhật thường xuyên.

- Không để xảy ra tình trạng chậm muộn, tồn đọng nhiệm vụ; kịp thời xử lý các nội dung phát sinh.

- Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của cấp trên.

- Nâng cao trách nhiệm, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ .

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Về chuyển đổi số, chính quyền số

- Triển khai:

- + Hệ thống quản lý văn bản, điều hành điện tử được duy trì vận hành ổn định, liên thông từ xã đến thành phố.

- + Ứng dụng chữ ký số cho 100% cán bộ, công chức trong xử lý, ban hành văn bản điện tử.

- + Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công, gắn với tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- + Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu trong quá trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

- + Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ, các nền tảng số trong trao đổi, xử lý công việc.

- Kết quả:

- + 100% văn bản (trừ văn bản mật) được xử lý trên môi trường điện tử, bảo đảm đúng quy trình, thời gian theo quy định.

- + Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt 100%, giảm thiểu sử dụng văn bản giấy.

- + Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng ngày càng tăng.

- + Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết trực tuyến từng bước được nâng cao.

- + Từng bước hình thành môi trường làm việc số, nâng cao hiệu quả điều hành, giảm thời gian, chi phí trong xử lý công việc.

2.2. Về dữ liệu và Đề án 06

- Phối hợp Công an xã triển khai:

+ Thực hiện rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu dân cư trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm thông tin chính xác, đồng bộ.

+ Tổ chức thu thập, chuẩn hóa, đối chiếu thông tin công dân phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng VNeID; hỗ trợ kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 1, mức độ 2.

+ Tích hợp các thông tin cá nhân (bảo hiểm y tế, sổ sức khỏe điện tử, giấy tờ liên quan) trên nền tảng VNeID theo lộ trình của Đề án 06.

+ Phối hợp triển khai các dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06, gắn với xác thực, định danh điện tử .

- Kết quả:

+ Dữ liệu dân cư cơ bản đảm bảo “đúng – đủ – sạch – sống”, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

+ Tỷ lệ công dân được cấp và kích hoạt tài khoản định danh điện tử ngày càng tăng.

+ Việc khai thác dữ liệu dân cư được thực hiện hiệu quả trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm yêu cầu cung cấp lại giấy tờ cho người dân.

+ Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và xã hội số trên địa bàn.

2.3. Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức:

+ Tuyên truyền ứng dụng công nghệ trong sản xuất và đời sống thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, hội nghị, sinh hoạt thôn và các kênh thông tin điện tử.

+ Hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Phối hợp với các đoàn thể, Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng số thiết yếu.

+ Lòng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các phong trào, hoạt động của địa phương.

- Bước đầu

+ Hình thành nhận thức về đổi mới sáng tạo trong cộng đồng, từng bước thay đổi thói quen từ truyền thống sang môi trường số.

+ Người dân bước đầu tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số trong đời sống hằng ngày.

+ Tạo nền tảng thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và quản lý.

2.4. Về phát triển hạ tầng và nền tảng số

- Hạ tầng CNTT

+ Được quan tâm đầu tư, từng bước nâng cấp hệ thống mạng nội bộ, trang thiết bị công nghệ thông tin tại cơ quan.

+ Đảm bảo kết nối thông suốt phục vụ chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc trên môi trường điện tử.

+ Trang bị cơ bản máy tính, thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức; đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số.

+ Từng bước bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan.

- Nền tảng số.

+ Triển khai đồng bộ các hệ thống dùng chung của thành phố như: hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

+ Tăng cường khai thác, sử dụng các nền tảng số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho người dân.

+ Từng bước thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống theo quy định.

+ Góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số tại địa phương.

3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của UBND xã; người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

- Công tác triển khai đồng bộ, có phân công rõ ràng, xác định cụ thể đầu mối chủ trì, đơn vị phối hợp.

Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân từng bước được nâng cao về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành được ban hành kịp thời, bám sát chỉ đạo của cấp trên.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành có chuyển biến tích cực; môi trường làm việc điện tử từng bước được hình thành.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, đơn vị, Công an xã và các thôn trong triển khai Đề án 06 và chuyển đổi số ngày càng chặt chẽ.

- Một số lĩnh vực đạt kết quả rõ nét như: xử lý văn bản điện tử, triển khai dịch vụ công trực tuyến, cập nhật dữ liệu dân cư.

b) Hạn chế

Căn cứ nội dung Báo cáo 77-BC/VPTW cho thấy:

- Một số nhiệm vụ còn chậm tiến độ, vẫn còn tình trạng quá hạn, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Hạ tầng số chưa đồng bộ, trang thiết bị công nghệ thông tin còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện.

- Dữ liệu còn phân tán, chưa được chuẩn hóa đầy đủ, việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu còn hạn chế.

- Nguồn lực (nhân lực, kinh phí) còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

- Trình độ, kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, công chức và người dân còn hạn chế.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trong một số lĩnh vực còn chưa cao.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn có lúc chưa sâu rộng, chưa thường xuyên.

- Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả triển khai một số nhiệm vụ chưa thực sự toàn diện.

c) Nguyên nhân

- Nhân lực chuyển đổi số còn thiếu, chủ yếu kiêm nhiệm; trình độ, kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đồng đều.

- Kinh phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, đơn vị, các thôn có thời điểm chưa thật sự chặt chẽ, thiếu tính liên thông, đồng bộ.

- Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số ở một số bộ phận còn chưa đầy đủ, chưa chủ động trong triển khai thực hiện.

- Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin chưa đồng bộ, một số trang thiết bị đã xuống cấp, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành.

- Dữ liệu chưa được chuẩn hóa hoàn toàn; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số chưa sâu rộng, dẫn đến tỷ lệ sử dụng chưa cao.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ ở một số nội dung còn thiếu cụ thể; việc triển khai một số nhiệm vụ còn phụ thuộc vào hướng dẫn của cấp trên.

- Khối lượng công việc lớn trong khi biên chế hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm người đứng đầu:

+ Người đứng đầu UBND xã trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06.

+ Gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại thi đua hằng năm của tập thể và cá nhân.

+ Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, có lộ trình, thời hạn hoàn thành cụ thể

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất việc triển khai tại các phòng, đơn vị, thôn.

+ Thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo từng tuần, tháng.

+ Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế; xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp chậm trễ, không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn.

2. Về chuyển đổi số

- Đẩy mạnh:

+ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tăng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến, giảm hồ sơ giấy.

+ Số hóa hồ sơ, tài liệu trong tiếp nhận, giải quyết TTHC và trong công tác lưu trữ, quản lý.

- + Ứng dụng chữ ký số trong toàn bộ quy trình xử lý, ban hành văn bản điện tử.
- + Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt.
- Nâng cao.
- + Tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử, bảo đảm 100% văn bản (trừ văn bản mật) được xử lý điện tử.
- + Hiệu quả sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của thành phố.
- + Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.
- + Năng lực, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức thông qua đào tạo, tập huấn.

3. Về dữ liệu

- Thực hiện
- + Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu theo nguyên tắc “đúng – đủ – sạch – sống”.
- + Rà soát, cập nhật đầy đủ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.
- + Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống cấp trên theo quy định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.
- + Xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung, phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Từng bước
- + Khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã.
- + Ứng dụng dữ liệu trong phân tích, dự báo, xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.
- + Tăng cường cung cấp, chia sẻ dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định.

4. Về Đề án 06

- Phối hợp Công an xã
- + Hoàn thiện dữ liệu dân cư, bảo đảm đồng bộ, chính xác giữa các hệ thống
- + Mở rộng ứng dụng VNeID trong các lĩnh vực: hành chính công, y tế, giáo dục, an sinh xã hội.
- + Đẩy mạnh tích hợp các loại giấy tờ cá nhân trên nền tảng VNeID
- + Triển khai hiệu quả các dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06.

+ Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử.

5. Về nguồn lực

- Bố trí

+ Nhân lực phụ trách chuyển đổi số, bảo đảm có đầu mối theo dõi, triển khai nhiệm vụ.

+ Kinh phí triển khai các nhiệm vụ về hạ tầng, dữ liệu, nền tảng số và đào tạo, tập huấn.

+ Trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành

- Tăng cường

+ Xã hội hóa nguồn lực, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong triển khai chuyển đổi số.

+ Lồng ghép các chương trình, đề án, dự án để tối ưu nguồn lực đầu tư.

- Hợp tác với các đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả triển khai.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

* Đề nghị UBND thành phố:

- Tăng cường hỗ trợ đầu tư, nâng cấp hạ tầng số cho cấp xã, bảo đảm đồng bộ về đường truyền, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, đặc biệt là số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì vận hành hệ thống

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai tại cơ sở

- Xây dựng cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu dùng chung giữa các cấp, tạo điều kiện cho cấp xã tiếp cận và sử dụng hiệu quả

- Quan tâm tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã

* Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ:

- Hướng dẫn cụ thể về triển khai, quản lý dữ liệu, nền tảng số và các hệ thống dùng chung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ từ thành phố đến cơ sở

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng khai thác dữ liệu cho cán bộ, công chức cấp xã

- Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin tại địa phương

- Đôn đốc, theo dõi, tổng hợp và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cấp xã trong quá trình thực hiện

- Cung cấp tài liệu hướng dẫn, mô hình, giải pháp chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của cấp xã

Trên đây là Báo cáo sơ kết tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 theo Báo cáo số 77-BC/VPTW ngày 13/4/2026 của UBND xã Nam Thanh Miện. Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét, tổng hợp; đồng thời rất mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp để UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN TP Hải Phòng;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Văn Nguyễn

